

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày 03 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

+ Ông Phương Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 năm 2024 và 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 23/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 13/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn Đ, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1986 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Thanh Đ (đã chết) và bà Đàm Thị C; Vợ: Ma Thị D; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Chu Văn T, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 06 tháng 5 năm 1997 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn S và bà Nông Thị K; Vợ: Đinh Thị L; Con: Có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/7/2021 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi sử dụng các loại vũ khí không có giấy phép.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Nông Văn T, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 08 tháng 7 năm 1998 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn M và bà Ma Thị T; Vợ: Đàm Ngọc Q; Con: Có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Trùng Khánh) xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm B, xã T, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

4. Nông Văn C, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1992 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn S và bà Hoàng Thị D; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

5. Nông Văn H, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 04 tháng 7 năm 1986 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn H và bà Chung Thị H; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/4/2013 bị Công an huyện Trà Lĩnh (nay là Trùng Khánh) xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

6. Đàm Văn B, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 12 tháng 7 năm 1997 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn M (đã chết) và bà Nông Thị S; Vợ: Đàm Thị L; Con: Có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

7. Ma Văn N, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1981 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn H và bà Ma Thị B; Vợ: Đàm Thị G; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 20/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

8. Đàm Văn Đ, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 15 tháng 10 năm 2003 tại xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn 4/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn H và bà Đàm Thị R; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 21/02/2024 đến ngày 27/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

9. Phan Quốc Đ, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1997 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: Xóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn B và bà Nông Thị L; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại Tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Hoàng Văn N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Xóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Đàm Văn H, sinh năm 1999. Vắng mặt.

+ Đàm Văn S, sinh năm 1999. Vắng mặt.

+ Ma Văn H, sinh năm 1969. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

+ Nông Văn D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 20 phút ngày 20/02/2024, Đội điều tra tổng hợp Công an huyện T chủ trì, phối hợp với Công an xã T làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại xã T. Khi tổ công tác đi đến xóm N, xã T, huyện T phát hiện bắt quả tang tại tầng âm nhà ông Ma Văn H có 08 đối tượng gồm Nông Văn Đ; Nông Văn H; Đàm Văn B; Ma Văn N; Đàm Văn Đ; Chu Văn T; Nông Văn T và Nông Văn C đang đánh bạc bằng hình thức đánh "chêm" được thua bằng tiền. Quá trình khống chế, bắt quả tang đối tượng Đàm Văn Đ lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy. Vật chứng thu được trên bàn 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài, 12.938.000 đồng gồm: Trên chiếu bạc 5.580.000 đồng; Nông Văn Đ 3.000.000 đồng; Chu Văn T 4.000.000 đồng; Nông Văn T 200.000 đồng; Nông Văn H 48.000 đồng; Đàm Văn B 155.000 đồng. Ngoài ra còn tạm giữ của Nông Văn Đ 01 điện thoại di động; Chu Văn T 01 điện thoại di động; Nông Văn T 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô; Nông Văn H 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô; Đàm Văn B 01 điện thoại di động; Nông Văn C 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô; Ma Văn N 01 điện thoại di động. Lực lượng chức năng đã tạm giữ người cùng vật chứng theo quy định pháp luật. Tại thời điểm bắt quả tang có mặt Đàm Văn H nên Cơ quan điều tra đã tạm giữ của H 01 điện thoại di động và số tiền 2.300.000 đồng.

Ngày 21/02/2024, Đàm Văn Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã khám xét chỗ ở của Đàm Văn Đ tạm giữ 01 điện thoại di động.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn Đ, Chu Văn T, Nông Văn T, Nông Văn H, Đàm Văn B, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Ma Văn N khai nhận: Ngày 19/02/2024, những người trên cùng đến nhà ông Ma Văn H ăn tiệc mừng đầy tháng của cháu, ăn xong cùng nhau xuống tầng âm nhà ông H đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh "chêm". Cách đánh như sau: Quy ước mỗi lá bài A (át) tính 01 điểm, lá bài từ 02 đến 09 tương đương 02 đến 09 điểm, 10, J, Q, K tính 0 điểm. Cách đánh: mỗi người được chia 03 lá bài, cộng điểm 03 lá bài với nhau để tính điểm. 0 điểm là bé nhất, 09 điểm là cao nhất. Nếu tổng điểm 03 lá từ 10 điểm đến 19 điểm thì sẽ lấy

số đuôi của tổng điểm để tính điểm tương đương từ 0 đến 09 điểm. Nếu có 03 lá J, Q, K thì được tính điểm to hơn 09. Nếu bằng điểm nhau sẽ sử dụng các lá bài có chất (màu) khác nhau để tính thắng thua theo thứ tự Pích, Cơ, Nhép, Rô. Khi đánh có thể đánh theo "cửa chính" và "cửa ké", mỗi ván cửa chính phải cược 100.000 đồng đến 500.000 đồng, "cửa ké" không quy định số tiền và cũng không quy định phải ké cửa nào. Khi đánh ai hô "chém", nếu thắng sẽ được toàn bộ số tiền cược trên bàn, nếu thua sẽ phải trả lại tương ứng số tiền cược trên bàn đã đặt. Cách tính được và mất tiền như sau: Người có điểm số cao nhất sẽ lấy tiền của người có điểm thấp nhất bằng với số tiền mà người có điểm cao nhất đặt cược ban đầu, người có số điểm thấp nhất bị mất đúng với số tiền đã đặt cược trước đó. Trường hợp người có số điểm cao nhất đã nhận đủ số tiền đặt cược của mình mà người có điểm thấp nhất vẫn còn tiền (do đặt nhiều hơn) thì người có điểm cao thứ hai tiếp tục nhận số tiền đó từ người điểm thấp hơn. Việc được và mất tiền sẽ kết thúc khi xảy ra đồng thời hai trường hợp: Người thắng đã nhận đủ số tiền mình đã đặt, hai là người thua đã trả hết số tiền mình đã đặt. Đối với được thua tiền trong trường hợp "cửa chính", "cửa ké" được tính như sau: "cửa chính" sẽ là người đầu tiên nhận tiền hoặc mất tiền đúng với số tiền đã đặt, tiếp đến "cửa ké" sẽ là người được hoặc mất số tiền mà "cửa ké" đã đặt ban đầu. Thời điểm đầu có 06 người đánh "cửa chính" ngồi theo chiều kim đồng hồ tính từ cầu thang đi xuống là C, Đ, T, B, T, Đ. Đến khoảng 24 giờ Đ nghỉ đi về nhà. Sau đó Đ, H, N vào đánh bạc cùng. Đ đánh "cửa chính", H đánh "ké cửa" Đ, N đánh "ké cửa" C và T. Đàm Văn H đứng xem, không tham gia đánh bạc. Khi đang đánh bạc thì bị phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, xác định được Phan Quốc Đ được cùng tham gia đánh bạc nhưng đã đi về trước. Ngày 29/02/2024, Phan Quốc Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Điều tra đã tạm giữ 01 điện thoại di động, 50.000.000 đồng, 01 xe ô tô. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Quốc Đ, quá trình khám xét đã tạm giữ 180.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Quốc Đ khai: Ngày 19/02/2024, Đ đến ăn cỗ đầy tháng nhà ông Ma Văn H và được tham gia đánh bạc trái phép cùng T, C, B, T và một số người bị cáo không biết tên. Đ mang theo khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tham gia đánh "cửa chính". Trong lúc đánh bạc, T hết tiền mặt nên T bảo với Đ, T chuyển khoản cho Đ để Đ đưa tiền mặt cho T 15 triệu đồng. Đ đồng ý và nhờ tài khoản ngân hàng của N để cho T chuyển tiền vào. Sau khi N nhận được tiền chuyển khoản, Đ mới đưa tiền mặt cho T. Sau đó, có S chuyển khoản 3.000.000 đồng và D chuyển khoản 5.000.000 đồng để lấy tiền mặt với N. N có hỏi Đ trước khi đưa tiền mặt cho hai người này. Tổng cộng T, D và S đã chuyển số tiền 23.000.000 đồng cho N. Sau khi dừng đánh bạc Đ còn 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, sau khi dừng đánh bạc trên đường về nhà N chuyển lại Đ 13.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng Đ trừ nợ đã vay N trước đó. Trong quá trình chuyển khoản để lấy tiền mặt thì N không biết những người này lấy tiền mặt để làm gì.

Hoàng Văn N khai: Tối ngày 19/02/2024, cùng Đ đến nhà ông Ma Văn H ăn tiệc mừng đầy tháng của cháu, trong quá trình ngồi ăn ở lán thì Đ có đưa cho anh

cầm giúp số tiền 10.000.000 đồng. Do là chỗ bạn bè nên anh đồng ý cầm giúp, còn tiền này từ đâu mà có anh không biết. Sau đó, Đ lại gọi điện nhờ số tài khoản của anh để T chuyển khoản số tiền 15.000.000 đồng vì Đ nói điện thoại của Đ không vào được mạng nên không kiểm tra được việc đã nhận tiền hay chưa. Tiếp đến có D chuyển khoản 5.000.000 đồng để lấy tiền mặt cho C và S chuyển khoản 3.000.000 đồng để lấy tiền mặt cho T. Trước khi nhận lời thì N đều hỏi Đ và được Đ đồng ý thì mới đưa tiền mặt cho D và S. Còn việc T, T và C lấy số tiền này đi đâu, làm gì thì anh hoàn toàn không biết. Khoảng 00 giờ ngày 20/02/2024 khi cùng Đ về nhà thì anh đã chuyển khoản cho Đ 13.000.000 đồng và đưa 2.000.000 đồng tiền mặt (2.000.000 đồng này nằm trong 10.000.000 đồng mà Đ nhờ cầm giúp), giữ lại 10.000.000 đồng trong tài khoản để trừ nợ. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh có tạm giữ của anh 01 điện thoại di động và số tiền 10.000.000 đồng để phục vụ công tác điều tra. Khi T chuyển khoản không nói cho anh biết lấy 15.000.000 đồng này đi để làm gì.

Nông Văn D khai: Tối ngày 19/02/2024 anh đến nhà ông Ma Văn H ăn tiệc mừng đầy tháng của cháu, trong quá trình ngồi ăn uống có Nông Văn C đến hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng, là chỗ quen biết nên anh đồng ý nhưng do không có tiền mặt, anh chuyển khoản cho N 5.000.000 đồng để lấy cho C. Còn việc C lấy số tiền này đi đâu, làm gì thì anh không biết. Trong quá trình hỏi vay thì C không nói cho anh biết lấy 5.000.000 đồng này đi để làm gì.

Đàm Văn S khai: Tối ngày 19/02/2024 đến nhà ông Ma Văn H ăn tiệc mừng đầy tháng của cháu, trong quá trình ngồi ăn uống có Nông Văn T đến hỏi vay số tiền 3.000.000 đồng, là chỗ quen biết nên anh đồng ý nhưng do không có tiền mặt, anh chuyển khoản cho N 3.000.000 đồng để lấy tiền mặt cho T. Còn việc T lấy số tiền này đi đâu, làm gì thì anh không biết. Trong quá trình hỏi vay thì T không nói cho anh biết lấy 3.000.000 đồng này đi để làm gì.

Quá trình điều tra, xác định được tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo T, T, B, C, Đ và Đ là 36.183.000 đồng (gồm 5.580.000 đồng thu trên chiếu bạc, 3.000.000 đồng thu trên người Đ, 4.000.000 đồng thu trên người T, 200.000 đồng thu trên người T, 48.000 đồng thu trên người H, 155.000 đồng thu trên người B, 200.000 đồng Đ vay T và 23.000.000 đồng chuyển vào tài khoản N cho Đ). Tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo Đ, H và N là 12.983.000 đồng (gồm 5.580.000 đồng thu trên chiếu bạc, 3.000.000 đồng thu trên người Đ, 4.000.000 đồng thu trên người T, 200.000 đồng thu trên người T, 48.000 đồng thu trên người H, 155.000 đồng thu trên người B). Vì Đ, H và N vào đánh bạc sau khi Đ đã về nhà nên phải chịu số tiền trên chiếu bạc và thu trên người mục đích dùng để đánh bạc.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Quá trình điều tra, xét thấy 08 chiếc điện thoại di động, 03 chiếc xe mô tô, 01 xe ô tô và 2.300.000 đồng không liên quan đến vụ án. Ngày 25/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu. 01 bộ tú lơ khơ 52 lá các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của N dùng liên lạc hằng ngày và nhận tiền chuyển khoản của T, D và S ngày 19/02/2024; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của T dùng liên lạc hằng ngày và chuyển khoản tiền cho N để nhận tiền mặt với Đ

ngày 19/02/2024; 01 điện thoại di động của Đ dùng liên lạc hằng ngày và nhận tiền chuyển khoản từ N ngày 20/02/2024, sau khi Đ đã chấm dứt hành vi đánh bạc đi về nhà. Số tiền 5.580.000 đồng thu trên chiếu bạc; 3.000.000 đồng tạm giữ đối Nông Văn Đ, 4.000.000 đồng tạm giữ đối Chu Văn T, 200.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn T, 48.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn H và 155.000 đồng tạm giữ đối với Đàm Văn B mục đích để đánh bạc. Số tiền 230.000.000 đồng tạm giữ Phan Quốc Đ không liên quan đến hành vi phạm tội, toàn bộ số tiền thắng bạc Đ đã chi tiêu cá nhân hết và trả nợ N 10.000.000 đồng; 10.000.000 đồng tạm giữ đối với Hoàng Văn N là tiền của Đ trả nợ N, nguồn gốc tiền này từ việc Đ thắng bạc mà có.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSTK ngày 21 tháng 5 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố Chu Văn T, Nông Văn T, Đàm Văn B, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Phan Quốc Đ, Nông Văn Đ, Nông Văn H và Ma Văn N về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình chờ Tòa án xét xử thì các bị cáo Chu Văn T, Nông Văn T, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Nông Văn Đ, Đàm Văn B và Ma Văn N đã nộp mỗi người 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của từng bị cáo, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến đối với các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cách tính lại số tiền đánh bạc mà Kiểm sát viên bổ sung tại phiên tòa, tuy có thay đổi về số tiền đánh bạc nhưng vẫn nằm trong khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự nên tất cả các bị cáo không có ý kiến đối với việc bổ sung trên.

Bị cáo Đ khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông Ma Văn H thì được tham gia đánh bạc trái phép cùng T, C, B, T và một số người bị cáo không biết tên. Bị cáo mang theo khoảng 4.000.000 đồng tham gia đánh "cửa chính". Trong quá trình đánh bạc có T chuyển khoản lấy 15.000.000 đồng, D chuyển khoản 5.000.000 đồng để lấy cho C và S chuyển khoản 3.000.000 đồng để lấy cho T. Toàn bộ số tiền này bị cáo nhờ tài khoản của N để chuyển vào vì lúc đó điện thoại của bị cáo không có mạng nên không kiểm tra việc nhận được tiền hay chưa. Số tiền đưa cho 3 người này đều từ việc thắng bạc mà có nhưng bị cáo không nói cho N biết. Vì đã nói trước nên khoảng 24 giờ thì bị cáo dừng rồi cùng N đi về nhà, lúc này bị cáo còn khoảng 10.000.000 đồng tiền thắng bạc. Trên đường về nhà thì N chuyển lại cho bị cáo 13.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền mặt, còn 10.000.000 đồng trong tài khoản bị cáo trừ nợ đã vay N trước đó. Trong quá trình chuyển khoản để lấy tiền mặt thì N không biết những người này lấy tiền mặt để làm gì. Số tiền thắng bạc bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết và trả nợ N 10.000.000 đồng, đối với số tiền 230.000.000 đồng tạm giữ không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị cáo T khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì được tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Bị cáo chuyển khoản cho N để lấy tiền mặt với Đ 15.000.000 đồng để đánh bạc. Khi chuyển

khoản thì bị cáo không nói cho N biết lấy tiền về để làm gì. Sau khi bị bắt quả tang thì bị thu giữ số tiền 4.000.000 đồng trên người, số tiền này bị cáo dùng để đánh bạc.

Bị cáo C khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì được tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Bị cáo dùng 700.000 đồng để đánh bạc nhưng thua hết nên ra ngoài rap vay D 5.000.000 đồng, do D không có tiền mặt nên chuyển khoản cho N, sau đó D mới lấy 5.000.000 đồng cho bị cáo vay. Cả D và N đều không biết bị cáo vay số tiền này để làm gì. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo thua hết số tiền 5.700.000 đồng.

Bị cáo T khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì được tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Trước khi đánh bị cáo có 700.000 đồng nhưng trong quá trình đánh bạc thua hết nên ra ngoài rap vay S 3.000.000 đồng, do S không có tiền mặt nên chuyển khoản cho N, sau đó S mới lấy 5.000.000 đồng cho bị cáo vay. Cả S và N đều không biết bị cáo vay số tiền này để làm gì. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thua và bị thu giữ số tiền 200.000 đồng trên người, số tiền này bị cáo dùng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc có cho Đ vay 200.000 đồng để đánh bạc, số tiền này sau khi về nhà thì Đ đã trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Đ khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì đến khoảng hơn 00 giờ ngày 20/02/2024 cùng N và H tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Lúc này, Đ đã đi về trước, bị cáo dùng khoảng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thắng và bị thu giữ tổng số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này bị cáo dùng để đánh bạc.

Bị cáo Đ khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Bị cáo dùng khoảng 700.000 đồng và vay T 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thua hết số tiền trên. Sau khi về nhà thì bị cáo đã trả 200.000 đồng cho T.

Bị cáo B khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Bị cáo dùng số tiền 245.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thua và bị thu giữ số tiền 155.000 đồng, số tiền này bị cáo dùng để đánh bạc.

Bị cáo H khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì đến khoảng hơn 00 giờ ngày 20/02/2024 cùng N và Đ tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Lúc này, Đ đã đi về trước, bị cáo dùng số tiền 240.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thua và bị thu giữ số tiền 48.000 đồng, số tiền này bị cáo dùng để đánh bạc.

Bị cáo N khai: Tối ngày 19/02/2024, sau khi ăn cỗ đầy tháng nhà ông H thì đến khoảng hơn 00 giờ ngày 20/02/2024 cùng H và Đ tham gia đánh bạc trái phép với những người như Cáo trạng truy tố. Lúc này Đ đã đi về trước, bị cáo dùng số tiền 90.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sau khi bị bắt quả tang thì bị cáo đang thua hết số tiền trên.

Hoàng Văn N, Ma Văn H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, không có ý kiến bổ sung.

Sau khi công bố bản Cáo trạng đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh thay đổi cách tính và số tiền mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự như sau: Quá trình truy tố, Kiểm sát viên tính thiếu số tiền 2.000.000 đồng mà N gửi lại cho Đ trên đường về nhà (số tiền này nằm trong 10.000.000 đồng mà Đ nhờ N cầm sau khi N đã chuyển khoản 8.000.000 đồng cho D và S). Mặt khác, khi Đ dùng đánh bạc thì số tiền 23.000.000 đồng đưa cho T, T và C vẫn đang được dùng để đánh bạc, còn bao nhiêu tiền thì các bị cáo không xác định được, Cơ quan điều tra cũng không thể làm rõ được số tiền này. Do đó, ba bị cáo vào đánh bạc sau là Đ, N và H phải chịu trách nhiệm với số tiền 23.000.000 đồng này cộng với số tiền thu trên chiếu bạc và trên người mục đích để đánh bạc. Tuy nhiên, ba người vào sau không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 2.000.000 đồng N đưa cho Đ trên đường về nhà, vì nếu có thắng hết những người đang đánh thì ba người này cũng không thể lấy được số tiền 2.000.000 đồng này. Ngoài ra, ba bị cáo vào sau có khai mỗi người cầm theo một số tiền để đánh bạc, nhưng ngoài lời khai không có tài liệu nào chứng minh chính xác ba người này cầm mỗi người bao nhiêu tiền để đánh bạc. Vì vậy, bị cáo Đ vẫn phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền thu trên chiếu bạc, thu trên người mục đích để đánh bạc, vay nhau để đánh bạc và số tiền 23.000.000 đồng + 2.000.000 đồng N đưa trên đường về nhà. Cụ thể số tiền đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

Các bị cáo Phan Quốc Đ, Chu Văn T, Nông Văn T, Đàm Văn B, Nông Văn C, Đàm Văn Đ là 38.183.000 đồng.

Các bị cáo Ma Văn N, Nông Văn Đ và Nông Văn H là 36.183.000 đồng.

Trong phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35, Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Phan Quốc Đ. Xử phạt tiền bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Chu Văn T, Nông Văn H, Đàm Văn B, Nông Văn C, Ma Văn N và Đàm Văn Đ.

- + Xử phạt tiền bị cáo Chu Văn T từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- + Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn H từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- + Xử phạt tiền bị cáo Đàm Văn B từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- + Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn C từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- + Xử phạt tiền bị cáo Ma Văn N từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt tiền bị cáo Đàm Văn Đ từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điều 35; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn Đ và Nông Văn T.

+ Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn Đ từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 lá; Trả lại cho anh N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của bị cáo T; Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 và số tiền 230.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.580.000 đồng thu trên chiếu bạc, 3.000.000 đồng tạm giữ Nông Văn Đ, 4.000.000 đồng tạm giữ Chu Văn T, 200.000 đồng tạm giữ Nông Văn T, 48.000 đồng tạm giữ Nông Văn H và 155.000 đồng tạm giữ Đàm Văn B; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng tạm giữ đối với Hoàng Văn N. Truy thu bị cáo Đ số tiền 15.000.000 đồng và bị cáo T 200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền và giảm nhẹ mức phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc thay đổi cách tính và số tiền mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tại phiên tòa của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tiền dùng để đánh bạc bao gồm tiền thu trên chiếu bạc, tiền thu giữ trên người có căn cứ đã hoặc sẽ dùng vào đánh bạc và tiền ở nơi khác có căn cứ đã hoặc sẽ dùng để đánh bạc. Trong vụ án này, quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được số tiền đã dùng để đánh bạc là 38.183.000 đồng. Quá trình truy tố Kiểm sát viên tính thiếu số tiền 2.000.000 đồng. Mặt khác, khi Đ dùng đánh bạc thì số tiền 23.000.000 đồng đưa cho T, T và C vẫn đang được dùng để đánh bạc, còn bao nhiêu tiền thì các bị cáo không xác định được, Cơ quan điều tra cũng không thể làm rõ được số tiền này. Do đó, ba bị cáo vào đánh bạc sau là Đ, N và H phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 23.000.000 đồng này cộng với số tiền thu trên chiếu bạc và trên người mục đích để đánh bạc. Tuy nhiên, ba người vào sau không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 2.000.000 đồng N đưa cho Đ trên đường về nhà, số tiền cầm về trước này Đ, N và

H hoàn toàn không biết và nếu có thắng hết những người đang đánh thì ba người này cũng không thể lấy được số tiền 2.000.000 đồng Đ đã cầm về trước đó. Ngoài ra, ba bị cáo vào sau có khai mỗi người cầm theo một số tiền để đánh bạc, nhưng ngoài lời khai không có tài liệu nào chứng minh chính xác ba người này cầm mỗi người bao nhiêu tiền để đánh bạc. Vì vậy, bị cáo Đ vẫn phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền thu trên chiếu bạc, thu trên người mục đích để đánh bạc, vay nhau để đánh bạc và số tiền 25.000.000 đồng N đưa trên đường về nhà.

Do đó số tiền mà từng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là: Đ, T, B, C, T và Đ 38.183.000 đồng; Các bị cáo Đ, H và N là 36.183.000 đồng (trừ đi số tiền 2.000.000 đồng Đ cầm về trước đó). Vì vậy, việc thay đổi này của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc thay đổi này tuy gây bất lợi cho các bị cáo nhưng khi được hỏi thì các bị cáo này đều nhất trí vì vẫn nằm trong khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Việc Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố tính tổng tiền dùng để đánh bạc, số tiền mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chưa đúng quy định của pháp luật như phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử đã nêu ở mục [1]. Tuy nhiên, tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thay đổi và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn các hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, số tiền đánh bạc, biên bản khám xét khẩn cấp và tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ, nên có cơ sở để kết luận: Hồi 01 giờ 20 phút, ngày 20/02/2024, tại nhà ông Ma Văn H ở xóm N, xã T, huyện T, Đội điều tra tổng hợp Công an huyện T chủ trì, phối hợp với Công an xã T làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại xã phát hiện bắt quả tang tại tầng âm nhà ông Ma Văn H có 08 đối tượng gồm Nông Văn Đ; Nông Văn H; Đàm Văn B; Ma Văn N; Đàm Văn Đ; Chu Văn T; Nông Văn T và Nông Văn C đang đánh bạc bằng hình thức đánh "chém" được thua bằng tiền. Vật chứng thu được trên bàn 01 bộ tứ lơ khơ 52 lá bài, 12.938.000 đồng gồm: Trên chiếu bạc 5.580.000 đồng; Nông Văn Đ 3.000.000 đồng; Chu Văn T 4.000.000 đồng; Nông Văn T 200.000 đồng; Nông Văn H 48.000 đồng; Đàm Văn B 155.000 đồng. Mở rộng điều tra còn xác định được có thêm Phan Quốc Đ tham gia đánh bạc cũng những người trên với tổng số tiền đánh bạc là 38.183.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến trật tự xã hội ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội tất cả các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Số tiền thu tại chiếu bạc trên 5.000.000 đồng, ngoài ra còn chứng minh được số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 38.183.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Khi phạm tội, tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên tất cả được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với Nông Văn H; Đàm Văn B; Ma Văn N; Đàm Văn Đ; Chu Văn T; Phan Quốc Đ và Nông Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Nông Văn Đ, Nông Văn T, Chu Văn T, Nông Văn H, Đàm Văn B, Nông Văn C, Ma Văn N và Đàm Văn Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, Đ và Đ sau khi biết liên quan đến vụ án đã tự giác trình diện cơ quan chức năng để khai báo hành vi phạm tội của mình nên hai bị cáo này được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo B, C, N, Đ và Đ trước lần phạm tội này chưa có hành vi vi phạm pháp luật, luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đối với bị cáo T đã từng bị Tòa xử phạt cải tạo không giam giữ từ năm 2016, bị cáo Đ đã từng bị Tòa xử phạt tù cho hưởng án treo từ năm 2009, bị cáo T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2021, bị cáo H đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm phạm tội thì Đ và T đã đương nhiên được xóa án tích, coi như chưa từng bị kết án; còn T và H đương nhiên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo này đủ điều kiện để được coi là người có nhân thân tốt.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt. Các bị cáo Chu Văn T, Nông Văn T, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Nông Văn Đ, Đàm Văn B và Ma Văn N đã nộp mỗi người 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện để đảm bảo thi hành án, bị cáo Đ đang bị tạm giữ số tiền

230.000.000 đồng, tại Tòa thì tất cả các bị cáo cũng xác nhận đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền như khoản của điều luật truy tố. Do đó, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện để họ làm ăn lương thiện và có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Mục đích các bị cáo phạm tội cũng chỉ vì lợi nhuận nên cần phạt nặng về kinh tế, áp dụng phạt tiền là hình phạt chính như điều luật quy định là phù hợp với quy định của pháp luật mà vẫn đảm bảo được tính giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong quá trình phạm tội các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, do trước khi đánh bạc thì các bị cáo đều đã uống rượu nên không nhớ được ai là người khởi xướng việc đánh bạc, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và số tiền của từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai có đưa mỗi người một số tiền vào để đánh bạc, tuy nhiên ngoài lời khai thì không có tài liệu nào khác để chứng minh, chỉ có bốn bị cáo chứng minh được số tiền cụ thể đã đưa vào việc đánh bạc là Đ, T, C và T. Cụ thể, Đ là 23.000.000 đồng do T, S, D chuyển khoản vào rồi Đ đưa tiền mặt cho T, C và T; T dùng 15.000.000 đồng lấy tiền mặt với Đ; C lấy 5.000.000 đồng với D và T lấy 3.000.000 đồng với S.

Bị cáo Đ tuy không chứng minh được số tiền ban đầu dùng vào việc đánh bạc là bao nhiêu, nhưng trong quá trình đánh thắng bạc gần hết của những người còn lại, sau đó đưa tiền thắng bạc này cho các bị cáo khác với số tiền 23.000.000 đồng. Chính việc làm này đã tạo điều kiện cho việc đánh bạc được tiếp tục diễn ra cho đến khi bị bắt quả tang. Đối với bị cáo T dùng số tiền nhiều nhất vào đánh bạc; T cùng với Đ và T trong quá khứ đã có hành vi vi phạm bị xử lý. Do đó, bốn bị cáo này phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án. Bị cáo C dùng số tiền cao thứ hai vào việc đánh bạc, nên phải chịu hình phạt cao thứ hai trong vụ án. Bị cáo H trong quá khứ đã có hành vi vi phạm bị xử lý hành chính nên chịu hình phạt cao thứ ba trong vụ án. Các bị cáo còn lại quá khứ chưa có hành vi vi phạm, lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên phải chịu hình phạt cao sau cùng trong vụ án.

[5]. Về vật chứng và các tài sản tạm giữ: Quá trình điều tra, xét thấy 08 chiếc điện thoại di động, 03 chiếc xe mô tô, 01 xe ô tô và 2.300.000 đồng không liên quan đến vụ án. Ngày 25/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ. 01 bộ tú lơ khơ 52 lá là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của N tuy có liên quan đến hành vi phạm tội nhưng N hoàn toàn không biết nên trả lại cho N. 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của T liên quan đến hành vi phạm tội, T biết và cố tình thực hiện nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại di động của Đ dùng để nhận tiền chuyển khoản từ N ngày 20/02/2024, sau khi Đ đã chấm dứt hành

vi đánh bạc đi về nhà nên trả lại cho Đ. Số tiền 5.580.000 đồng thu trên chiếu bạc, 3.000.000 đồng tạm giữ đối Nông Văn Đ, 4.000.000 đồng tạm giữ đối Chu Văn T, 200.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn T, 48.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn H và 155.000 đồng tạm giữ đối với Đàm Văn B mục đích để đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước những số tiền trên. Số tiền 230.000.000 đồng tạm giữ của Phan Quốc Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Đ. 10.000.000 đồng tạm giữ đối với Hoàng Văn N là tiền của Đ trả nợ N, nguồn gốc tiền này từ việc Đ thắng bạc mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Về nộp khoản tiền thu lợi bất chính: Trừ bị cáo Đ và T thì các bị cáo còn lại có một số đã thua hết tiền, một số đang thắng hoặc chưa thua hết nhưng đã bị Cơ quan điều tra tạm giữ. Số tiền này Hội đồng xét xử đã tịch thu nộp ngân sách Nhà nước ở phần xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ. Vì vậy, không đặt vấn đề truy thu đối với những bị cáo này. Đối với bị cáo Đ là người thắng bạc và đã làm rõ được là 25.000.000 đồng (23.000.000 đồng nhận chuyển khoản và 2.000.000 đồng nhờ N cầm). Số tiền này Đ đã trả nợ N 10.000.000 đồng (đã bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước), do đó truy thu bị cáo Đ số tiền 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo T có cho Đ vay 200.000 đồng, số tiền này sau khi về nhà đã được Đ trả lại nên truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Đối với Hoàng Văn N có việc cầm giúp Đ 10.000.000 đồng và nhận chuyển khoản sau đó lấy tiền mặt cho một số người, nhưng N hoàn toàn không biết tiền này nguồn gốc từ đâu mà có, không biết những người lấy tiền mặt đi nhằm mục đích gì, cũng không được hưởng lợi từ việc đánh bạc trái phép của các bị cáo. Đối với Ma Văn H là chủ nhà nơi đánh bạc trái phép, do là ngày đầy tháng cháu, H uống rượu say, đi ngủ trước nên không biết việc đánh bạc của các bị cáo. Nông Văn D và Đàm Văn S là người cho T và C vay tiền, hai người này hoàn toàn không biết T và C vay tiền để làm gì. Đàm Văn H là người có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc trái phép. Do đó, Công an huyện không đề nghị xử lý hình sự những người này trong cùng vụ án là có căn cứ.

[8]. Về việc vay tiền giữa Đ với N, giữa T với S và C với D là các giao dịch dân sự, tại Tòa những người này không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu có tranh chấp sẽ được khởi kiện và giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Phan Quốc Đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Chu Văn T, Nông Văn H, Đàm Văn B, Nông Văn C, Ma Văn N và Đàm Văn Đ.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điều 35; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn Đ và Nông Văn T.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Chu Văn T, Nông Văn T, Đàm Văn B, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Phan Quốc Đ, Nông Văn Đ, Nông Văn H và Ma Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt tiền bị cáo Phan Quốc Đ 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt tiền bị cáo Chu Văn T 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 30.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn Đ 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 30.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn T 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 30.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn C 40.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Nông Văn H 35.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Xử phạt tiền bị cáo Ma Văn N 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Đàm Văn Đ 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng.

- Xử phạt tiền bị cáo Đàm Văn B 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện trùng Khánh, nay còn phải nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng.

3. Truy thu bị cáo Phan Quốc Đ số tiền 15.000.000 đồng và bị cáo Nông Văn T 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy một phong bì thư mặt trước ghi “01 bộ bài tú lơ khơ thu giữ ngày 20/02/2024”.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.580.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc ngày 20/02/2024.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn Đ.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng tạm giữ đối với Chu Văn T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 48.000 đồng tạm giữ đối với Nông Văn H.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 155.000 đồng tạm giữ đối với Đàm Văn B.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng tạm giữ đối với Hoàng Văn N.

- Tịch thu phát mại, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO Y215 tạm giữ của bị cáo Chu Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Phan Quốc Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max và số tiền 230.000.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max.

Xác nhận số vật chứng trên, đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Chu Văn T, Nông Văn T, Đàm Văn B, Nông Văn C, Đàm Văn Đ, Phan Quốc Đ, Nông Văn Đ, Nông Văn H và Ma Văn N mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tri Phương, TT Trà Lĩnh (bằng TB);
- Các bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Tùng

- Người CQLVNVLQ;
- Lưu.